BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - hạnh phúc
Số /BC-BTNMT	
	Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Về dự thảo Quyết định Thủ tướng Chính phủ quy định định mức chi phí tái chế đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu

I. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Bảo vệ môi trường quy định trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu (Điều 54) và trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu (Điều 55). Theo đó, nhà sản xuất, nhập khẩu một số sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế phải thực hiện tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc (khoản 1 Điều 54); nhà sản xuất, nhập khẩu được lựa chọn thực hiện trách nhiệm tái chế theo một trong hai hình thức: (1) tổ chức tái chế sản phẩm, bao bì hoặc (2) đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì (khoản 2 Điều 54). Đối với trách nhiệm xử lý chất thải, nhà sản xuất, nhập khẩu một số loại sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế hoặc gây khó khăn cho thu gom, xử lý thì có trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường để hỗ trợ xử lý chất thải (khoản 1 Điều 55).

Điều 81 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năn 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) quy định đóng góp tài chính (F) vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam của từng loại sản phẩm, bao bì được xác định theo công thức: F = R x V x Fs; trong đó: F là tổng số tiền mà nhà sản xuất, nhập khẩu phải đóng cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo từng loại sản phẩm, bao bì (đơn vị tính: đồng); R là tỷ lệ tái chế bắt buộc của từng loại sản phẩm, bao bì quy định tại khoản 1 Điều 78 Nghị định này (đơn vị tính: %); V là khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất, đưa ra thị trường và nhập khẩu trong năm thực hiện trách nhiệm tái chế (đơn vị tính: kg); Fs là định mức chi phí tái chế hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì, bao gồm chi phí phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu (đơn vị tính: đồng/kg). Theo khoản 2 Điều 81 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Fs cụ thể cho từng loại sản

phẩm, bao bì. Ngoài ra, Điều 83 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết đối tượng và mức đóng góp tài chính cho từng loại sản phẩm, bao bì. Theo khoản 5 Điều 83 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì Thủ tướng Chính phủ ban hành chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.

Theo đó, việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định định mức chi phí tái chế đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu là nhằm quy định chi tiết các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

Việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định định mức chi phí tái chế đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế và trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu nhằm mục đích quy định chi tiết và thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP liên quan đến trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Quy định định mức đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì trong trường hợp lựa chọn đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì (*quy định chi tiết khoản 2 Điều 81 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*).

- Quy định chi phí quản lý hành chính thực hiện quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì (nằm trong Fs) và trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu (*quy định chi tiết khoản 2 Điều 81 và khoản 5 Điều 83 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*).

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Đánh giá chung:

Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility - EPR) theo định nghĩa của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) là một cách tiếp cận chính sách môi trường, trong đó trách nhiệm của nhà sản xuất đối với sản phẩm được mở rộng sang giai đoạn sau khi sử dụng trong vòng đời của sản phẩm. Cơ chế EPR yêu cầu các nhà sản xuất chịu trách nhiệm thu gom các sản phẩm thải bỏ và phân loại chúng trước khi tiến hành các biện pháp xử lý, trong đó lý tưởng nhất là tái chế. Các chương trình

EPR cho phép các nhà sản xuất thực hiện trách nhiệm mở rộng của mình bằng cách cung cấp các nguồn hỗ trợ tài chính cần thiết và/hoặc bằng cách thực hiện các khía cạnh tổ chức và hoạt động của quy trình quản lý tái chế chất thải từ các chính quyền địa phương, một cách riêng lẻ (nhà sản xuất tự tổ chức tái chế sản phẩm sau thải bỏ của mình) hoặc tập thể (thông qua các tổ chức trung gian hay còn được gọi là Tổ chức trách nhiệm của nhà sản xuất – PRO).

Cơ chế EPR đối với việc quản lý sản phẩm đến cuối vòng đời đã xuất hiện ở một số quốc gia phát triển thuộc OECD vào cuối những năm 1980 như là một giải pháp đối với những thách thức mà nhiều quốc gia phải đối mặt trong việc quản lý chất thải ngày càng tăng về khối lượng và mức độ phức tạp. Dựa trên nguyên tắc "Người gây ô nhiễm phải trả tiền", chính sách EPR chuyển gánh nặng quản lý các sản phẩm cuối vòng đời nhất định từ nhà nước và cụ thể từ các chính quyền địa phương sang nhà sản xuất, qua đó tạo động lực khuyến khích các nhà sản xuất thiết kế (lại) sản phẩm và bao bì của mình để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc quản lý sản phẩm, bao bì thải bỏ và tránh sử dụng các vật liệu có thể gây rủi ro cho sức khỏe con người hoặc môi trường.

Là một công cụ môi trường đã được áp dụng phổ biến trên thế giới từ vài chục năm qua trong việc yêu cầu những nhà sản xuất và nhập khẩu sản phẩm, bao bì vào thị trường phải chịu trách nhiệm thu gom, tái chế, xử lý các sản phẩm, bao bì do họ sản xuất hoặc nhập khẩu, qua đó giảm gánh nặng tài chính quản lý chất thải và nâng cao tỷ lệ tái chế, việc thực hiện EPR bắt buộc là việc làm có ý nghĩa và cần thiết đối với bối cảnh của Việt Nam hiện nay trong việc nâng cao hiệu quả quản lý chất thải và giảm gánh nặng ngân sách công. Đồng thời, EPR là một công cụ quan trọng để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn bằng cách đẩy nhanh các nỗ lực hướng tới việc khép kín chu trình nguyên liệu và quản lý tài nguyên hiệu quả, bền vững.

Từ năm 2004, tại Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường (BVMT) trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã có chủ trương "*Từng bước áp dụng các biện pháp buộc các cơ sở sản xuất, nhập khẩu phải thu hồi và xử lý sản phẩm đã qua sử dụng do mình sản xuất, nhập khẩu*". Đây là chính sách áp dụng mô hình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), được thể chế hóa tại Luật BVMT năm 2005 với quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ (Điều 67), được quy định cụ thể tại Quyết định số 50/2013/QĐ-TTg ngày 09/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết nêu trên, Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT, theo đó, Luật BVMT năm 2014 tiếp tục quy định về thu hồi sản phẩm thải bỏ và thu hồi năng lượng từ chất thải (Điều 87) và được quy định chi tiết thi hành tại Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg

ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; Thông tư số 34/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ. Theo các quy định, các sản phẩm thuộc diện thu hồi sau thải bỏ bao gồm các nhóm sản phẩm: ắc quy và pin, thiết bị điện, điện tử, dầu nhớt các loại, săm, lốp và phương tiện giao thông. Quy định nhà sản xuất, nhập khẩu phải phải tự thiết lập hoặc phối hợp với nhà sản xuất, nhập khẩu hoặc phân phối thiết lập các điểm thu hồi. Người tiêu dùng có trách nhiệm tự chuyển đến điểm thu hồi. Không có các quy định về tỷ lệ tái chế bắt buộc và quy cách tái chế bắt buộc. Như vậy, mô hình EPR từ hơn 15 năm trước là mô hình EPR tự nguyện, chính vì vậy, quy định EPR chưa hiệu quả; kết quả thực hiện còn rất hạn chế.

Mô hình EPR tự nguyện đã không phát huy được tác dụng mong muốn, không tạo ra cơ chế tài chính bền vững cho việc thu hồi, xử lý sản phẩm, bao bì sau sử dụng; không có tác động đến quá trình sử dụng nguyên liệu, thiết kế sản phẩm, chính sách bảo trì, bảo dưỡng sản phẩm để giảm chi phí tái chế bằng cách sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường, thiết kế sản phẩm dễ thu gom, tái chế, kéo dài vòng đời sản phẩm... Đứng trước xu hướng tất yếu của sự phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, Luật BVMT năm 2020 (Điều 54, 55) và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Từ Điều 77 đến Điều 88) đã quy định chi tiết, cụ thể cơ chế EPR với nhiều điểm đột phá để bảo đảm việc triển khai cơ chế này một cách khả thi và hiệu quả.

Luật Bảo vệ môi trường quy định trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu (Điều 54) và trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu (Điều 55). Theo đó, nhà sản xuất, nhập khẩu một số sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế phải thực hiện tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc (khoản 1 Điều 54); nhà sản xuất, nhập khẩu được lựa chọn thực hiện trách nhiệm tái chế theo một trong hai hình thức: (1) tổ chức tái chế sản phẩm, bao bì hoặc (2) đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì (khoản 2 Điều 54). Đối với trách nhiệm xử lý chất thải, nhà sản xuất, nhập khẩu một số loại sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế hoặc gây khó khăn cho thu gom, xử lý thì có trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường để hỗ trợ xử lý chất thải (khoản 1 Điều 55).

Thực tế ở Việt Nam thời gian qua, một số nhà sản xuất đã tìm cách chuyển giao trách nhiệm của mình sang cho người tiêu dùng để hạn chế việc trả lại các sản phẩm thải bỏ. *Như nhiều nhà sản xuất tổ chức phân phối sản phẩm trên toàn quốc nhưng chỉ có một điểm thu hồi duy nhất trong khi người tiêu dùng phải chi trả toàn bộ chi phí liên quan đến việc trả lại sản phẩm thải bỏ. Các điểm thu hồi chỉ chấp nhận sản phẩm là hàng chính hãng, còn nguyên vẹn, không bị vỡ hoặc thiếu bộ phận mặc dù đây là sản phẩm thải bỏ*. Chính vì vậy, nhiều nhà sản xuất báo cáo không thu hồi được sản phẩm thải bỏ nào do người tiêu dùng không trả

lại sản phẩm.

Chính sách EPR trước đây chưa có hiệu quả nằm ở 02 nguyên nhân sau:

Một là: Thiếu sự ràng buộc của pháp luật về tỷ lệ thu gom và tái chế bắt buộc. Như phân tích ở trên, việc thiếu tỷ lệ bắt buộc dẫn đến việc nhà sản xuất lợi dụng để chuyển giao trách nhiệm của mình sang cho người tiêu dùng. Thêm nữa, việc không có tỷ lệ bắt buộc còn làm giảm động lực cho doanh nghiệp hợp tác liên minh để tổ chức hoạt động thu gom, tái chế hiệu quả hơn.

Hai là: Sự thiếu trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc công nhận và thực hiện EPR. EPR yêu cầu nhà sản xuất chủ động và có trách nhiệm chia sẻ gánh nặng trong việc giải quyết vấn đề rác thải do mình tạo ra. Tuy nhiên, thực tế thực hiện EPR ở Việt Nam cho thấy các nhà sản xuất, kể cả những nhà sản xuất toàn cầu vốn có kinh nghiệm thực hiện EPR theo chính sách tại các nước phát triển, chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm tại Việt Nam.

Hoạt động tái chế vẫn còn nhỏ lẻ, phần lớn mang tính tự phát, chưa được quản lý và kiểm soát chặt chẽ nên có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường rất cao. Mặc dù là một trong những điểm đến của phế thải, nhưng thực tế rác thải ở Việt Nam vẫn còn chưa được sử dụng triệt để, số lượng rác có thể tái chế còn bị chôn vùi theo thời gian mà chưa được đưa vào sử dụng đúng mục đích. Theo "Báo cáo hiện trạng Môi trường Quốc gia 2016-2020" do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố cuối năm 2021, lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) vẫn tiếp tục gia tăng trên phạm vi cả nước, trung bình 64.658 tấn/ngày. Lượng CTRSH ước tính ở các đô thị tăng trung bình 10-16%/năm (với tổng khối lượng phát sinh 35.624 tấn/ngày, hơn 13 triệu tấn/năm, chiếm tới 55% tổng khối lượng CTRSH phát sinh của cả nước). Cũng theo kết quả thống kê giai đoạn 2016-2019, tốc độ thu gom và xử lý CTRSH đô thị tăng trung bình 2%/năm, phần lớn chỉ được xử lý bằng hình thức chôn lấp thô sơ. Theo tính toán mức gia tăng trung bình hàng năm, tốc độ phát sinh CTR sinh hoạt đô thị tiếp tục tăng trong thời gian tới. Thực tế việc tái chế rác thải ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn, việc tái sử dụng chất thải được thực hiện thông qua thu thập và vận chuyển, đưa ra các làng nghề để tái sử dụng. Lượng rác thải này chỉ có thể tái chế được 10-20%, chủ yếu là giấy và nhựa, lại được xử lý qua công nghệ thủ công gây ô nhiễm môi trường.

Trong bối cảnh đó, việc quy định trách nhiệm EPR nói chung và quy định định mức chi phí tái chế (Fs) là các công cụ quan trọng trong việc ràng buộc trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu và cung cấp cơ sở để nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện trách nhiệm của mình, giảm gánh nặng ngân sách công trong việc quản lý chất thải và tạo nguồn tài chính để hỗ trợ cho các hoạt động tái chế sản phẩm, bao bì.

2. Chính sách 1: Quy định định mức chi phí tái chế (Fs) đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường (Điều 54) và Chương VI Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì nhà sản xuất, nhập khẩu phải thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì thông qua hình thức tự tổ chức tái chế hoặc đóng tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường để hỗ trợ tái chế. Điều 81 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định đóng góp tài chính (F) vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam của từng loại sản phẩm, bao bì được xác định theo công thức: F = R x V x Fs; trong đó Fs là định mức chi phí tái chế hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì, bao gồm chi phí phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu (đơn vị tính: đồng/kg).

Theo quy định của pháp luật, Fs là cơ sở để xác định số tiền đóng góp tài chính mà các nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì thuộc đối tượng thực hiện trách nhiệm nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để thực hiện trách nhiệm của mình trong trường hợp họ lựa chọn hình thức đóng góp tài chính (Fs là một sự lựa chọn, không phải là hình thức bắt buộc).

Việc ban hành Fs là để thực hiện quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và cung cấp cơ sở cho việc xác định đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì trong trường hợp lựa chọn đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế. Nếu không ban hành Fs thì sẽ không thực hiện được quy định EPR của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP do không có cơ sở pháp lý để nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện trong trường hợp lựa chọn đóng tiền thay cho tự tổ chức tái chế.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì tiền đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì quy định tại Cột 3 Phụ lục XXII ban hành kèm theo Nghị định này và chi phí quản lý hành chính hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu. Fs sẽ là căn cứ để xác định đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì và mức trích từ đóng góp này được sử dụng hỗ trợ các hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì; giúp đưa quy định EPR vào cuộc sống và qua đó thực hiện mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu phế liệu, nâng cao tỷ lệ tái chế, thúc đẩy ngành tái chế phát triển; giảm thiểu chất thải phải xử lý; tạo thêm công ăn việc làm và sinh kế cho người lao động; thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn và trung hòa khí hậu.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- ***Phương án 1:*** Giữ nguyên như hiện hành; không quy định định mức chi phí tái chế đối với sản phẩm, bao bì (Fs)

- ***Phương án 2:*** Quy định định mức chi phí tái chế (Fs) đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì; bao gồm: chi phí phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế sản phẩm, bao bì (gọi tắt là chi phí tái chế) và chi phí quản lý hành chính hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu (gọi tắt là chi phí quản lý hành chính tái chế).

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

1.4.1. Phương án 1: *Giữ nguyên như hiện hành; không quy định định mức chi phí tái chế (Fs)*

a) Tác động về kinh tế

+ *Tác động tích cực:* không phát sinh nghĩa vụ, phát sinh chi phí cho cơ quan quản lý và cho doanh nghiệp, người dân. Nhà nước không phải thực hiện nhiệm vụ quản lý, người dân và doanh nghiệp không bị tác động, ảnh hưởng.

+ *Tác động tiêu cực*

- Đối với Nhà nước: không thể chế hóa và không thực hiện được chủ trương xây dựng nền kinh tế tuần hoàn của Đảng, Nhà nước. Không quy định định mức chi phí tái chế thì không thể thực hiện được trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (pháp luật không đi vào cuộc sống); gây khó khăn trong việc xác định số tiền đóng góp tài chính để thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu cũng như khó khăn trong việc thực hiện quy định EPR theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, điều này không tạo được nguồn lực để thực hiện việc hỗ trợ các hoạt động tái chế sản phẩm, bao bì; không giảm được gánh nặng ngân sách nhà nước trong việc quản lý, xử lý chất thải và không khuyến khích hình thành ngành công nghiệp tái chế, khuyến khích đầu tư tái chế đáp ứng các yêu cầu môi trường.

Vấn đề ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn, đặc biệt là rác thải sinh hoạt không được giải quyết, vẫn tiếp tục là gánh nặng lên ngân sách nhà nước. Hàng năm tốn kém nguồn lực rất lớn cho việc nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (theo tổng hợp của Tổng cục Hải quan thì năm 2014 Việt Nam nhập khẩu hơn 3,3 triệu tấn sắt thép phế liệu với 1,2 tỷ đô la); trong khi đó lại lãng phí nguồn tài nguyên quý giá từ chất thải và gia tăng khai thác tài nguyên thiên nhiên.

- Đối với người dân: không giảm được chi phí mà người dân phải trả cho thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; không giảm hoặc có thể bị tăng chi phí phải bỏ ra liên quan tới các thiệt hại về sức khỏe, ô nhiễm môi trường, sinh kế do chất thải gây ra do thiếu tài chính hỗ trợ thu gom, tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì. Bên cạnh đó, người dân không có động lực kinh tế để giảm khối lượng và tăng phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn cho hoạt động tái chế sản phẩm, bao bì.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: không có cơ sở để xác định số tiền đóng góp để thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của mình trong trường hợp không tổ chức tái chế; khó khăn và tốn kém chi phí, không hiệu quả để tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tái chế để thực hiện trách nhiệm tái chế của mình do thiếu sự lựa chọn.

Đối với doanh nghiệp tái chế: không có hoặc thiếu động lực để đầu tư tái chế như một ngành kinh tế vì không rõ ràng cơ chế hỗ trợ, đặc biệt là các sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế thấp. Tiếp tục duy trì các hoạt động tái chế nhỏ lẻ, gây ô nhiễm môi trường.

b) Tác động về xã hội

+ *Tác động tích cực:* Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

+ *Tác động tiêu cực:* Không tạo được động lực để tăng cường ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, nâng cao tỷ lệ tái chế; xung đột, bất ổn xã hội do chất thải (điển hình như một số vụ việc rác thải không được thu gom hoặc ùn ứ ở các bãi rác) không được kìm chế mà còn có thể tăng cao do lượng chất thải phát sinh ngày càng tăng. Tình trạng búc xúc do ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn, tái chế gây ô nhiễm ở làng nghề tiếp tục gia tăng.

Không tạo được công ăn việc làm và sinh kế mới trong lĩnh vực tái chế, đặc biệt là người nghèo, đối tượng yếu thế. Tiếp tục tạo nên bất bình đẳng giữa các cơ sở tái chế, giữa một bên là các cơ sở tái chế tuân thủ các yêu cầu bảo vệ môi trường giữa một bên là cơ sở tái chế không tuân thủ các yêu cầu bảo vệ môi trường; tạo nên sự cạnh tranh không bình đẳng.

Giảm uy tín và cam kết mạnh mẽ của quốc gia trên trường quốc tế và khu vực trong vấn đề quản lý chất thải rắn, đặc biệt là trong cuộc chiến chống rác thải nhựa đại dương hiện nay.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không có tác động về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

+ *Tác động tích cực:* không phát sinh chi phí nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định về vấn đề này và chi phí tuân thủ có liên quan.

+ *Tác động tiêu cực:* Không thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tuần hoàn; không thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu về tái chế và quản lý, xử lý chất thải rắn; không cung cấp cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu. Thiếu tính đồng bộ, thống nhất và tạo nên khoảng trống

của hệ thống pháp luật, đặc biệt là không phù hợp, thống nhất và không thực hiện đầy đủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Điều này làm vô hiệu hóa quy định của pháp luật về vấn đề này và không đưa pháp luật vào cuộc sống.

1.4.2. Phương án 2: *Quy định định mức chi phí tái chế (Fs) đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì (như dự thảo Quyết định)*

a) Tác động về kinh tế

+ Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: thể chế hóa chủ trương của Đảng về xây dựng nền kinh tế tuần hoàn; khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực tái chế và hình thành ngành công nghiệp tái chế, tạo ra nhiều cơ hội kinh tế. Giảm gánh nặng ngân sách trong việc thu gom, xử lý chất thải; giảm chi phí giám sát, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu; tạo nguồn thu để thực hiện việc khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động tái chế sản phẩm, bao bì; thúc đẩy tiết kiệm và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và hạn chế nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

- Đối với người dân: Giảm được chi phí mà người dân phải trả cho thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giảm chi phí phải bỏ ra liên quan tới các thiệt hại về sức khỏe, sinh kế do chất thải rắn gây ra do có nguồn tài chính hỗ trợ thu gom, tái chế sản phẩm, bao bì. Bên cạnh đó, quy định này tăng cường động lực cho người dân tham gia phân loại rác thải phục vụ mục đích tái chế.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: góp phần hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất tái cơ cấu, tối ưu hóa chu trình sản xuất, tiết kiệm chi phí trong việc lựa chọn, sử dụng vật liệu, sản phẩm dễ tái chế; cung cấp cho doanh nghiệp sản xuất cơ sở để lựa chọn hình thức thực hiện trách nhiệm phù hợp, tiết kiệm và hiệu quả về kinh tế. Đối với doanh nghiệp tái chế sẽ có động lực thúc đẩy, đầu tư tái chế; giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu và tăng cường sử dụng phế liệu trong nước từ đó giúp tiết kiệm được chi phí nhập khẩu phế liệu; tăng cường sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nhiệp tái chế và hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp tái chế.

+ Tác động tiêu cực

- Đối với Nhà nước: phát sinh nguồn lực trong thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm liên quan đến nghiên cứu, điều tra, xác định định mức chi phí tái chế với sản phẩm, bao bì và công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát thực hiện.

- Đối với người dân: giá thành một số sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng thực hiện trách nhiệm tái chế có thể tăng do nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện đóng góp Fs làm gia tăng chi phí với người tiêu dùng (tuy nhiên, việc tăng giá hàng hóa không phải do việc ban hành Fs mà do thực hiện quy định EPR).

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: phát sinh chi phí tuân thủ trong việc kê khai, nộp tiền đóng góp tài chính theo Fs với sản phẩm, bao bì thuộc đối tượng thực hiện trách nhiệm; có thể giảm sức cạnh tranh do giá thành sản phẩm tăng lên do đóng góp tài chính theo Fs. Tuy nhiên do tỷ lệ tái chế bắt buộc theo quy định ở mức rất thấp so với trung bình các nước cộng thêm việc áp dụng hệ số điều chỉnh (sản phẩm, bao bì dễ tái chế thì được Fs được giảm nhiều); bên cạnh đó, đề xuất Fs hiện tại được điều chỉnh thấp hơn so với chi phí tái chế thực tế tại Việt Nam nên việc đóng góp tài chính theo Fs cũng không làm gia tăng đáng kể chi phí sản xuất, nhập khẩu của doanh nghiệp.

Ví dụ, với bao bì nhôm là đối tượng có tỷ lệ tái chế bắt buộc cao nhất (22%) thì với mức Fs đề xuất với bao bì nhôm là 3.468 đồng/kg như trong dự thảo Quyết định, chi phí sản xuất gia tăng cũng chỉ ở mức 763 đồng/kg nên không ảnh hưởng nhiều tới giá thành của thành phẩm.

Bên cạnh đó, đối tượng thực hiện EPR không bao gồm các doanh nghiệp nhỏ và vừa (dưới 30 tỷ doanh thu đối với nhà sản xuất và dưới 20 tỷ trị giá nhập khẩu đối với nhà nhập khẩu). Do vậy, việc thực hiện EPR và nộp tiền theo Fs không ảnh hưởng đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

b) Tác động về xã hội

+ Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: nguồn đóng góp tài chính theo Fs được sử dụng góp phần tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tái chế sản phẩm, bao bì; giảm thiểu ô nhiễm và sức ép lên môi trường và giảm các tác động đến sức khỏe; giảm bất ổn, xung đột do rác thải gia tăng và không được thu gom, tái chế, xử lý hiệu quả. Bên cạnh đó, giúp Nhà nước tạo được thêm công việc và sinh kế mới cho người lao động và góp phần đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

- Đối với người dân: được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tái chế sản phẩm, bao bì; có động lực để thực hiện và tham gia phân loại, thu gom chất thải cho mục đích tái chế; giảm bất ổn, xung đột và búc xúc, lo lắng của người dân do rác thải gia tăng và không được thu gom, tái chế, xử lý hiệu quả; được tạo sinh kế, việc làm cho lao động tham gia vào hỗ trợ thu gom, tái chế sản phẩm, bao bì từ nguồn đóng góp tài chính theo Fs.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: tăng hình ảnh, uy tín và trách nhiệm xã hội cho doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp tái chế: giúp tạo sự công bằng giữa các doanh nghiệp tái chế, giữa các cơ sở tái chế tuân thủ các yêu cầu bảo vệ môi trường với các cơ sở tái chế làng nghề, không tuân thủ các yêu cầu bảo vệ môi trường.

+ Tác động tiêu cực

Lao động việc làm có thể bị ảnh hưởng do áp lực lên chi phí của doanh nghiệp vì đóng góp tài chính theo Fs, dẫn tới khả năng sắp xếp, cắt giảm lao động hoặc giảm lương để tối ưu chi phí trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, tác động này

không phải bởi việc ban hành Fs mà là do việc thực hiện quy định EPR nói chung.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không có tác động về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

+ Tác động tích cực

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật trong lĩnh vực môi trường; cung cấp cơ sở pháp lý cho việc xác định mức đóng góp tài chính theo Fs và quản lý, sử dụng chi phí từ đóng góp theo Fs được sử dụng để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì.

+ Tác động tiêu cực

Không có tác động tiêu cực nếu lựa chọn giải pháp này.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở các phân tích, đánh giá về lợi ích, chi phí của từng phương án trên các khía cạnh về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật như đã trình bày trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị lựa chọn Phương án 2 - quy định định mức chi phí tái chế (Fs) đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì như dự thảo Quyết định để thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đồng thời đạt được các mục tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường như đã phân trích ở trên.

2. Chính sách 2: Chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Bảo vệ môi trường quy định trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu (Điều 54) và trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu (Điều 55). Đối với trách nhiệm xử lý chất thải, nhà sản xuất, nhập khẩu một số loại sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế hoặc gây khó khăn cho thu gom, xử lý thì có trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường để hỗ trợ xử lý chất thải (khoản 1 Điều 55).

Điều 83 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết đối tượng và mức đóng góp tài chính cho từng loại sản phẩm, bao bì. Theo khoản 5 Điều 83 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì Thủ tướng Chính phủ ban hành chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu. Đây là cơ sở để xác định mức kinh phí từ

đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu được sử dụng để hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải.

Tuy nhiên, hiện chưa có các quy định, hướng dẫn cụ thể để xác định mức chi phí quản lý hành chính được sử dụng cho hỗ trợ trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải. Mức trích lại (để sử dụng cho chi phí quản lý hành chính) hiện đang được một số quỹ khác có nguồn thu từ đóng góp của doanh nghiệp thực hiện theo các quy định pháp luật liên quan, chẳng hạn với chi phí quản lý hành chính của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hiện trích lại 5% tổng số doanh thu mà các doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ phải đóng góp vào Quỹ, hay Quỹ Phòng chống tác hại thuốc lá hiện trích lại 3% tổng số thu từ khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá (Chi tiết xem tại Phụ lục).

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xác định mức chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu (gọi tắt là chi phí quản lý hành chính xử lý chất thải) dựa trên tỷ lệ trích từ mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quy định tại Cột 5 Phụ lục XXIII phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Phương án 1: *Không quy định chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.*

- Phương án 2: *Quy định chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu (gọi tắt là chi phí quản lý hành chính xử lý chất thải) được trích lại bằng 2% mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quy định tại Cột 5 Phụ lục XXIII phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.*

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Phương án 1: *Không quy định chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.*

a) Tác động về kinh tế

+ Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: Không làm phát sinh nguồn lực, chi phí nghiên cứu, điều tra, xác định mức chi phí quản lý hành chính hỗ trợ xử lý chất thải cũng như nguồn lực quản lý, giám sát sử dụng nguồn kinh phí này.

- Đối với người dân: Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

- Đối với doanh nghiệp: Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này. Theo quy định của pháp luật, nhà sản xuất, nhập khẩu phải nộp tiền hỗ trợ xử lý chất thải và chi phí này được trích từ khoản đóng góp của nhà sản xuất, nhập khẩu; không phát sinh thêm đóng góp cho nhà sản xuất, nhập khẩu.

+ Tác động tiêu cực

- Đối với Nhà nước: Không quy định chi phí quản lý hành chính sẽ gây khó khăn trong việc thực hiện quản lý, giám sát và hỗ trợ hoạt động thu gom, xử lý chất thải từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp, dẫn tới việc ngân sách phải bỏ ra để quản lý, giám sát hỗ trợ việc xử lý chất thải và gây ra gánh nặng ngân sách. Bên cạnh đó, ngân sách nhà nước phải bỏ ra một khoản kinh phí không nhỏ để giám sát việc thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.

- Đối với người dân: không giảm hoặc có thể bị tăng chi phí phải bỏ ra liên quan tới các thiệt hại về sức khỏe, sinh kế do chất thải gây ra do thiếu cơ chế tài chính hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu: không có tác động tiêu cực nếu lựa chọn giải pháp này do đây là một khoản trích lại từ tiền đóng góp của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp tái chế thì sẽ được hỗ trợ trong các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

b) Tác động về xã hội

+ Tác động tích cực

Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

+ Tác động tiêu cực

Không tạo được động lực để tăng cường ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, hạn chế sử dụng các sản phẩm khó tái chế, nguy hại; xung đột, bất ổn xã hội do chất thải (điển hình như một số vụ việc rác thải không được thu gom hoặc ùn ứ ở các bãi rác) không được kìm chế mà còn có thể tăng cao do lượng chất thải phát sinh ngày càng tăng.

Người dân không hỗ trợ, tiếp cận được các thông tin, hướng dẫn từ cơ quan quản lý về phân loại, thu gom, xử lý chất thải.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không có tác động về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

+ Tác động tích cực

Không phát sinh nguồn lực, chi phí để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn

thiện hệ thống pháp luật liên quan và không phát sinh nguồn lực thực hiện, giám sát tuân thủ pháp luật.

+ Tác động tiêu cực

Không thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao tỷ lệ tái chế, giảm thiểu gánh nặng lên ngân sách và môi trường; không cung cấp cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải.

Tương tự ở trên, việc không ban hành quy định này sẽ thiếu tính đồng bộ, thống nhất và tạo nên khoảng trống của hệ thống pháp luật, đặc biệt là không phù hợp, thống nhất và không thực hiện đầy đủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Điều này làm vô hiệu hóa quy định của pháp luật về vấn đề này và không đưa pháp luật vào cuộc sống.

2.4.2. Phương án 2: *Quy định chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu được trích lại bằng 2% mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.*

a) Tác động về kinh tế

+ Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: Giảm gánh nặng ngân sách trong việc thu gom, xử lý chất thải nhờ quy định sử dụng một phần kinh phí để thực hiện việc quản lý, giám sát và hỗ trợ các hoạt động thu gom, xử lý chất thải từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp.

- Đối với người dân: sử dụng một phần kinh phí để thực hiện việc hỗ trợ các hoạt động thu gom, xử lý chất thải từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp giúp người dân có thể giảm thiểu được thiệt hại, chi phí phát sinh do chất thải không được thu gom, xử lý hiệu quả. Hỗ trợ người dân tiếp cận được các thông tin, hướng dẫn từ cơ quan quản lý cũng như tham gia các hoạt động phân loại, thu gom, xử lý chất thải.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp xử lý chất thải thì được hưởng các hỗ trợ từ các chi phí này liên quan đến hỗ trợ tiếp cận các nguồn hỗ trợ từ đóng góp của nhà sản xuất, nhập khẩu.

+ Tác động tiêu cực

- Đối với Nhà nước: phát sinh nhiệm vụ, trách nhiệm và nguồn lực liên quan tới quản lý, giám sát, theo dõi việc sử dụng chi phí quản lý hành chính đúng mục đích, đúng pháp luật (nhưng không lấy từ nguồn ngân sách).

- Đối với người dân: không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

- Đối với doanh nghiệp: không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

b) Tác động về xã hội

+ Tác động tích cực

- Đối với Nhà nước: nguồn cho chi phí quản lý hành chính được sử dụng góp phần tuyên truyền, nâng cao nhận thức và sự tham gia của người dân về phân loại, thu gom xử lý chất thải; giảm thiểu chất thải và sức ép lên môi trường; giúp giảm bất ổn, xung đột do rác thải gia tăng và không được thu gom, tái chế, xử lý hiệu quả.

- Đối với người dân: được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tham gia các hoạt động phân loại, thu gom, xử lý chất thải; giảm thiểu chất thải, sức ép lên môi trường; giảm bất ổn, xung đột do rác thải sinh hoạt gia tăng và không được thu gom, tái chế, xử lý hiệu quả; tạo sinh kế, việc làm cho lao động tham gia vào hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải từ nguồn đóng góp tài chính.

- Đối với doanh nghiệp: góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc giảm thiểu sử dụng, sản xuất vật liệu, sản phẩm không thân thiện với môi trường, khó thu gom, xử lý, để chuyển sang sản xuất bền vững hơn.

+ Tác động tiêu cực

Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không có tác động về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

+ Tác động tích cực

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan về trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải.

+ Tác động tiêu cực

Không có tác động tiêu cực nếu lựa chọn giải pháp này.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích các tác động kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và hệ thống pháp luật nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị lựa chọn Phương án 2 – quy định chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu được trích lại bằng 2% mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Báo cáo đánh giá tác động chính sách này đã được tham vấn, xin ý kiến của các chuyên gia, cơ quan quản lý, đối tượng áp dụng thông qua nhiều hình thức phù hợp như phỏng vấn, trao đổi trực tiếp, tổ hội thảo, họp chuyên gia và các hình thưc khác trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Quyết định.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thực thi chính sách: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Cơ quan giám sát thực hiện chính sách: Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, tổ chức và công dân./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, VP, TCMT (08).

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục.
Bảng chi phí quản lý hành chính của một số quỹ hiện hành từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp

Tên quỹ	*Nguồn đóng góp tài chính*	*Quy định mức chi phí quản lý*
Quỹ Phòng chống thiên tai	Đóng góp bắt buộc của tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài tại địa bàn, công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động và một số nguồn khác	- Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh (theo Nghị định số 78/2021/NĐ-CP về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai).
Quỹ Phòng chống tác hại thuốc lá	Khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá	Chi phí quản lý hành chính của Quỹ không quá 3% tổng số thu từ khoản đóng góp bắt buộc của Quỹ từ ngày 01 tháng 5 năm 2019 trở đi (theo Quyết định số 47/2013/QĐ-TTg về việc thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá).
Quỹ Phòng, chống buôn lậu thuốc lá điếu và chống sản xuất, buôn bán thuốc lá giả	Đóng góp từ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc lá	200 đồng/bao 20 điếu (5%) hỗ trợ cho Ban điều hành Quỹ của Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam (theo Thông tư số: 306/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về cơ chế huy động, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ công tác phòng, chống buôn lậu thuốc lá điếu và chống sản xuất, buôn bán thuốc lá giả).
Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Đóng góp theo tỷ lệ doanh thu dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông	Theo Thông tư số 180/2016/TT-BTC quy định cơ chế tài chính để đảm bảo hoạt động thường xuyên và chi đầu tư cơ sở vật chất của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và chi cho hoạt động quản lý Chương trình viễn thông công ích: Nguồn kinh phí từ nguồn 5% tổng số doanh thu mà các doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ phải đóng góp vào Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.